Kinh nghiệm của các nước Đông Nam Á trong huy động vốn đầu tư thúc đẩy tăng trưởng du lịch và khuyến nghị cho Việt Nam

Lê Quỳnh Hương[1]

Ngày nhận bài: 10/4/2026 | Ngày gửi phản biện: 16/4/2026 | Ngày duyệt đăng: 8/5/2026

Tóm tắt: *Báo cáo phân tích chiến lược huy động vốn du lịch tại Đông Nam Á, nơi ngành này đóng góp khoảng 9,7% vào GDP khu vực năm 2024. Các quốc gia như Thái Lan, Malaysia và Philippines đã thiết lập khung pháp lý minh bạch với các ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp lên đến 13 năm, miễn thuế nhập khẩu máy móc và các loại thị thực cư trú dài hạn để thu hút nhà đầu tư chất lượng cao. Indonesia ghi nhận thành công với mô hình hợp tác công - tư (PPP) trong chiến lược "10 Bali mới", trong khi Singapore dẫn đầu khu vực về tài chính xanh và các giải pháp du lịch thông minh.*

Từ khóa: *Kinh nghiệm, Đông Nam Á, vốn đầu tư, du lịch, hàm ý.*

Experiences of Southeast Asian countries in mobilizing investment capital to boost tourism growth and implications for Vietnam

Abstract: *This report analyzes tourism capital mobilization strategies in Southeast Asia, a sector that contributed approximately 9.7% to the regional GDP in 2024. Nations such as Thailand, Malaysia, and the Philippines have implemented transparent legal frameworks featuring corporate income tax exemptions for up to 13 years, import duty waivers on machinery, and long-term residency visas to attract high-quality investors. Indonesia has demonstrated success using Public-Private Partnership (PPP) models within its "10 New Balis" strategy , while Singapore spearheads the region in green finance and smart tourism solutions.*

Keywords: *Experiences, Southeast Asia, investment capital, tourism, implication.*

1. Mở đầu

Sự chuyển dịch của kinh tế toàn cầu sau những biến động địa chính trị và y tế đã đặt ngành du lịch vào một tâm thế mới: không chỉ là ngành dịch vụ đơn thuần mà là một trụ cột an ninh kinh tế và tích lũy vốn văn hóa. Trong khu vực Đông Nam Á, du lịch đã khẳng định vị thế là động lực tăng trưởng bền bỉ nhất. Đến giữa năm 2025, lượng khách quốc tế đến khu vực này đã hồi phục mạnh mẽ, đạt mức 92% so với thời điểm trước đại dịch năm 2019, với nhiều quốc gia thành viên thậm chí đã vượt qua các mốc cơ sở lịch sử. Tính đến năm 2024, du lịch đóng góp tới 9,7% vào tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của toàn khối, tương đương 379 tỉ USD, và là nguồn thu nhập chính của 42 triệu lao động. Việc huy động vốn trong bối cảnh này không chỉ giới hạn ở việc tích lũy tài chính mà còn là sự huy động tổng lực các nguồn lực về công nghệ, hạ tầng xanh và năng lực quản trị. Đông Nam Á đã trở thành điểm đến hàng đầu thế giới về đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), duy trì vị thế quốc gia nhận vốn dẫn đầu trong bốn năm liên tiếp. Năm 2024, trong khi dòng vốn FDI toàn cầu giảm 11%, khu vực Đông Nam Á vẫn ghi nhận mức tăng trưởng ấn tượng 8,5%, đạt 226 tỉ USD. Tuy nhiên, sự thăng hoa về số lượng khách không đồng nghĩa với sự bền vững về chất lượng nếu thiếu đi một chiến lược huy động vốn có trọng tâm. Các quốc gia Đông Nam Á đã chuyển dịch từ mô hình phát triển dựa trên số lượng sang mô hình "giá trị cao, tác động thấp", tập trung vào ba ưu tiên chiến lược: tính bền vững, chuyển đổi số và tăng trưởng bao trùm. Để hiện thực hóa điều này, các nhóm biện pháp từ ưu đãi tài chính, hợp tác công - tư (PPP) đến việc tái cấu trúc thị trường nội địa đã được triển khai một cách tinh vi và đồng bộ.

2. Kinh nghiệm của các nước Đông Nam Á

2.1. Chính sách ưu đãi và khuyến khích đầu tư

Các quốc gia Đông Nam Á đã xây dựng một hệ thống ưu đãi đầu tư không chỉ cạnh tranh về mặt tài chính mà còn minh bạch về mặt pháp lý, giúp giảm thiểu rủi ro cho các nhà đầu tư dài hạn.

[1] ThS., Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng; Email: lequynhhuong288@gmail.com

Thái Lan thông qua Ban Đầu tư (BOI) đã thiết lập một khung chính sách được coi là hình mẫu về sự linh hoạt. BOI đã làm mới các biện pháp thúc đẩy đầu tư, tập trung vào du lịch cao cấp và các dịch vụ giá trị gia tăng lớn. Các dự án thuộc nhóm "Du lịch cao cấp" (Affluent Tourism) và các dịch vụ y tế, nghỉ dưỡng chất lượng cao được hưởng mức miễn thuế CIT lên đến 13 năm, kèm theo giảm 50% trong 5 năm tiếp theo sau khi hết thời gian miễn. Một điểm đột phá trong chính sách của Thái Lan là chương trình thị thực 10 năm được thiết kế cho các chuyên gia tay nghề cao và công dân toàn cầu có tài sản lớn, cho phép họ sở hữu đất đai, làm việc, và hưởng mức thuế thu nhập cá nhân ưu đãi 17%. Điều này tạo ra một "hệ sinh thái cư trú đầu tư", nơi vốn tài chính đi kèm với sự ổn định về nhân sự cấp cao.

Malaysia, thông qua Cơ quan Phát triển Đầu tư Malaysia (MIDA), áp dụng hai hình thức ưu đãi chính: Tình trạng Tiên phong (Pioneer Status - PS) và Trợ cấp Thuế Đầu tư (Investment Tax Allowance - ITA). Các công ty tham gia vào các hoạt động du lịch được khuyến khích có thể chọn miễn thuế thu nhập lên tới 70% trong 5 năm. Đối với các khu vực ưu tiên như Sabah và Sarawak hoặc các khách sạn 4-5 sao, mức miễn thuế có thể đạt 100%. Hơn nữa, Malaysia chú trọng vào việc tái đầu tư. Các khách sạn hiện hữu thực hiện mở rộng hoặc hiện đại hóa được hưởng thêm các vòng ưu đãi thuế mới (lên đến 3 vòng đối với khách sạn và 2 vòng đối với các dự án du lịch khác). Điều này đảm bảo rằng dòng vốn không chỉ chảy vào các dự án mới mà còn giúp duy trì chất lượng hạ tầng cũ, tránh tình trạng xuống cấp theo thời gian.

Philippines sử dụng mô hình Khu Doanh nghiệp Du lịch (TEZ). Với việc thực thi Luật CREATE (Corporate Recovery and Tax Incentives for Enterprises), quốc gia này đã chuẩn hóa các ưu đãi để tăng tính cạnh tranh. Các doanh nghiệp trong TEZ có thể chọn đóng thuế 5% trên tổng thu nhập thay cho tất cả các loại thuế quốc gia và địa phương, hoặc hưởng kỳ nghỉ thuế CIT từ 4 đến 6 năm. Sự hấp dẫn của Philippines còn nằm ở quyền sử dụng đất. Các nhà đầu tư nước ngoài có thể thuê đất trong TEZ lên tới 50 năm và được gia hạn thêm 25 năm. Điều này giải quyết bài toán tâm lý về quyền sở hữu vốn là rào cản lớn trong đầu tư bất động sản du lịch tại Đông Nam Á.

2.2. Mô hình hợp tác công - tư (PPP) trong phát triển hạ tầng du lịch

Singapore đi đầu trong việc áp dụng PPP để phát triển các khu phức hợp du lịch mang tính biểu tượng. Singapore trở thành quốc gia đầu tiên trên thế giới đạt chứng nhận "Điểm đến bền vững toàn cầu", nhờ việc tích hợp tiêu chuẩn GSTC vào PPP. Tổng cục Du lịch Singapore (STB) không chỉ đóng vai trò xúc tiến mà còn là đối tác chiến lược của khu vực tư nhân với các dự án tiêu biểu như: *(i) Resorts World Sentosa* - kết quả của sự phối hợp chặt chẽ giữa STB và tập đoàn Genting Singapore; *(ii) Marina Bay Sands* - do tập đoàn Las Vegas Sands đầu tư, Chính phủ Singapore hỗ trợ về quy hoạch, hạ tầng giao thông và chính sách thu hút vốn, trong khi tư nhân đảm nhận thiết kế, vận hành và marketing toàn cầu. Năm 2025, Singapore tiếp tục mở rộng mô hình PPP với các dự án như: *(i) Rainforest Wild Asia tại Mandai:* Một khu bảo tồn thiên nhiên kết hợp giải trí, được thiết kế theo tiêu chuẩn bền vững toàn cầu; *(ii) Nâng cấp Sentosa*: Tích hợp công nghệ số và tiêu chuẩn GSTC (Global Sustainable Tourism Council) vào hợp đồng PPP, buộc nhà đầu tư tư nhân phải tuân thủ cam kết môi trường và xã hội ngay từ giai đoạn thiết kế.

Indonesia đã triển khai chiến lược "10 Bali mới" không sao chép khuôn mẫu của Bali, mà phải thiết kế sản phẩm phù hợp với hệ sinh thái địa phương và khả năng tiếp cận hạ tầng thực tế với các điểm đến ưu tiên như: *(i) Mandalika (Lombok)* được quy hoạch thành Đặc khu Kinh tế (SEZ), nơi chính phủ đầu tư hạ tầng kết nối (sân bay, đường cao tốc, hệ thống xử lý nước thải), còn tư nhân đầu tư vào khách sạn, resort và dịch vụ giải trí; *(ii) Hồ Toba (Bắc Sumatra)* được Chính phủ đầu tư vào hạ tầng giao thông và bảo tồn môi trường, trong khi tư nhân phát triển dịch vụ lưu trú và du lịch cộng đồng; *(iii) Labuan Bajo (Flores)* nổi tiếng với rồng Komodo, được triển khai để xây dựng cảng du lịch, khách sạn cao cấp và dịch vụ tàu du lịch.

Kết nối hạ tầng du lịch là một phương thức quan trọng. PPP giữa chính phủ Philippines và các tập đoàn tư nhân kết nối Manila với các điểm du lịch phía Bắc, đồng thời thúc đẩy phát triển kinh tế vùng, xây dựng hệ thống xử lý nước thải, quản lý rác thải và nâng cấp hạ tầng du lịch, quản lý vận hành sân bay, nâng cao chất lượng dịch vụ và thu hút thêm khách quốc tế. Thái Lan hợp tác PPP phát triển hạ tầng giao thông, hạ tầng số như Bangkok Mass Transit System, gián tiếp thúc đẩy du lịch, giúp du khách dễ dàng tiếp cận các điểm đến trong thành phố; Chính phủ và tư nhân hợp tác để triển khai hạ tầng số, quản lý du lịch thông minh và bảo vệ môi trường tại Phuket Smart City. Các dự án PPP không chỉ diễn ra trong phạm vi quốc gia mà còn được mở rộng ra cấp khu vực thông qua Chương trình PPP ASEAN.

Các dự án hạ tầng kết nối xuyên biên giới giúp thúc đẩy du lịch đường bộ, logistics và thương mại như Đường số 3 Lào (ASEAN Highway No. 3): Tuyến đường xuyên biên giới kết nối Lào, Thái Lan và Trung Quốc, tạo điều kiện cho du lịch đường bộ và thương mại xuyên quốc gia.

2.3. Thu hút vốn quốc tế và thúc đẩy chuyển đổi số

Trong kỷ nguyên kinh tế số, dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) không chỉ đơn thuần mang theo nguồn lực tài chính, mà còn đi kèm với "vốn số" - bao gồm các công nghệ như trí tuệ nhân tạo, Internet vạn vật, dữ liệu lớn, chuỗi khối và các giải pháp thanh toán số.

Năm 2024 chứng kiến sự gia tăng mạnh mẽ của đầu tư nội khối, chiếm tới 14% tổng vốn FDI. Điều này phản ánh sự trưởng thành của các nền kinh tế trong khu vực, khi các doanh nghiệp ASEAN không chỉ là điểm đến của vốn ngoại mà còn trở thành nhà đầu tư tích cực cho nhau. Singapore tiếp tục giữ vai trò trung tâm tài chính, đóng góp tới 75% lượng đầu tư nội khối, tập trung vào bất động sản và dịch vụ tài chính. Vị thế này cho thấy là nguồn vốn nội khối quan trọng, thúc đẩy sự phát triển cân bằng trong khu vực. Bên cạnh đầu tư nội khối, dòng vốn từ Hoa Kỳ, Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc đang dịch chuyển từ lĩnh vực sản xuất truyền thống sang các ngành kinh tế số và du lịch thông minh.

Du lịch thông minh (Smart Tourism) là sự kết hợp giữa công nghệ số (như IoT, AI và Big Data cho phép thu thập dữ liệu thời gian thực về hành vi du khách, tình trạng hạ tầng và nhu cầu thị trường) với du lịch. Nhờ đó, các nhà quản lý có thể quản lý hiệu quả hơn, đưa ra quyết định chính xác hơn trong quy hoạch hạ tầng, marketing mục tiêu và phát triển sản phẩm, giúp doanh nghiệp tăng doanh thu, giảm áp lực lên môi trường và cộng đồng. Thái Lan tập trung vào việc tích hợp công nghệ để thu hút thế giới "du mục kỹ thuật số" (digital nomads) – những người làm việc từ xa, thường xuyên di chuyển và có nhu cầu trải nghiệm văn hóa đa dạng. Chính phủ Thái Lan đã triển khai các gói visa đặc biệt, hạ tầng Internet tốc độ cao và không gian làm việc chung để phục vụ nhóm khách này. Đây là chiến lược thông minh, bởi digital nomads không chỉ mang lại nguồn thu ổn định mà còn góp phần quảng bá hình ảnh đất nước qua mạng xã hội và cộng đồng trực tuyến toàn cầu. Singapore đi đầu trong việc ứng dụng AI để cá nhân hóa trải nghiệm khách hàng. Tại các khu vực đông đúc như Marina Bay Sands hay Sentosa, AI được sử dụng để quản lý dòng người, tối ưu hóa dịch vụ và giảm thiểu tình trạng quá tải. Ngoài ra, AI còn giúp phân tích dữ liệu tiêu dùng để đưa ra gợi ý phù hợp cho từng du khách, từ nhà hàng, khách sạn đến sự kiện văn hóa. Điều này không chỉ nâng cao sự hài lòng mà còn tăng khả năng chi tiêu của khách hàng.

Smart Tourism không thể phát triển nếu thiếu hạ tầng số. Việc đầu tư vào trung tâm dữ liệu, mạng 5G và các nền tảng điện toán đám mây đã trở thành một phần không thể tách rời của chiến lược huy động vốn du lịch. Các công ty công nghệ lớn từ Singapore và Indonesia đang dẫn đầu làn sóng đầu tư vào trung tâm dữ liệu phục vụ kinh tế số toàn khu vực. Trung tâm dữ liệu không chỉ lưu trữ thông tin khách hàng mà còn hỗ trợ phân tích dữ liệu lớn, cung cấp nền tảng cho AI và IoT. Đây là yếu tố then chốt để ASEAN có thể cạnh tranh với các khu vực khác trong việc thu hút dòng vốn công nghệ. Mạng 5G giúp tăng tốc độ truyền dữ liệu, giảm độ trễ và mở ra khả năng ứng dụng thực tế ảo (VR), thực tế tăng cường (AR) trong du lịch. Du khách có thể trải nghiệm điểm đến qua VR trước khi quyết định, hoặc sử dụng AR để khám phá thông tin di sản ngay tại chỗ. Việc triển khai 5G cũng tạo điều kiện cho các dịch vụ thanh toán di động, quản lý thông minh và kết nối liên tục – những yếu tố quan trọng trong trải nghiệm du lịch hiện đại.

2.4. Phát triển thị trường nội địa và tính bền vững

Trong bối cảnh xung đột vũ trang xảy ra ở nhiều nơi và khủng hoảng y tế toàn cầu, thị trường nội địa nổi lên như một "tấm đệm" an toàn, giúp các quốc gia duy trì hoạt động, bảo vệ việc làm và tạo nền tảng cho sự phục hồi.

Một đặc điểm nổi bật là sự chiếm ưu thế của các doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME). Đây là lực lượng nòng cốt, đóng góp phần lớn vào việc tạo việc làm, duy trì bản sắc địa phương và cung cấp dịch vụ đa dạng. Tuy nhiên, SME cũng là nhóm dễ bị tổn thương nhất trước khủng hoảng. Vì vậy, nhiều quốc gia đã triển khai chính sách hỗ trợ mạnh mẽ. Singapore đã khởi động chiến dịch "SingapoReimagine" nhằm khuyến khích người dân chi tiêu nội địa, đồng thời hỗ trợ SME số hóa, giúp doanh nghiệp tiếp cận khách hàng dễ dàng hơn qua nền tảng trực tuyến, mà còn nâng cao trải nghiệm du khách thông qua đặt dịch vụ nhanh chóng, thanh toán điện tử và cá nhân hóa hành trình. Malaysia thông qua Chính sách Du lịch Quốc gia 2020-2030, nước này đặt mục tiêu xây dựng các vùng đầu tư du lịch, nơi cộng đồng địa phương và SME có thể tiếp cận nguồn vốn, công nghệ và đào tạo, giúp SME tồn tại mà còn khuyến khích họ tham gia vào chuỗi giá trị du lịch toàn diện, từ dịch vụ lưu trú, ẩm thực đến các sản phẩm thủ công truyền thống.

Dòng vốn quốc tế đổ vào các điểm đến nổi tiếng như Bali (Indonesia), Phuket (Thái Lan) hay Angkor Wat (Campuchia) cũng gây ra hệ lụy như dịch chuyển cộng đồng địa phương, phá vỡ cấu trúc xã hội và suy thoái môi trường. Biến đổi khí hậu và áp lực môi trường ngày càng lớn cùng với sự phát triển ồ ạt của khách sạn, resort cao cấp đôi khi làm mất đi bản sắc văn hóa và tạo áp lực lên hạ tầng. Để khắc phục, các nước Đông Nam Á đang chuyển hướng vốn vào "hạ tầng xanh", bảo tồn di sản và phát triển du lịch dựa vào cộng đồng. Điều này đồng nghĩa với việc đầu tư vào hệ thống xử lý nước thải, năng lượng tái tạo, giao thông thân thiện môi trường và các dự án bảo tồn thiên nhiên. Philippines là một ví dụ điển hình. Thông qua Cơ quan Quản lý và Phát triển Du lịch (TIEZA), nước này đã triển khai nhiều dự án hạ tầng bền vững: hệ thống xử lý nước thải tại Puerto Galera và Coron, các dự án chiếu sáng bằng năng lượng mặt trời trên toàn quốc. Những khoản đầu tư này không mang lại lợi nhuận ngay lập tức, nhưng đảm bảo khả năng tồn tại lâu dài của các điểm đến cao cấp. Đây là minh chứng cho tư duy "lợi ích dài hạn" thay vì "lợi nhuận ngắn hạn".

3. Thực trạng huy động nguồn vốn đầu tư du lịch tại Việt Nam và hàm ý

3.1. Thực trạng

Việt Nam đã trở thành một "ngôi sao sáng" trong việc thu hút FDI tại Đông Nam Á. Năm 2024, vốn FDI thực hiện tại Việt Nam đạt kỷ lục 25,35 tỉ USD, mức cao nhất trong 5 năm qua. Các nhà đầu tư nước ngoài đánh giá cao sự ổn định chính trị, tăng trưởng kinh tế bền bỉ và các hiệp định thương mại tự do (FTA) mà Việt Nam tham gia như CPTPP hay EVFTA. Trong lĩnh vực du lịch, Việt Nam được đánh giá là thị trường phục hồi nhanh nhất ASEAN với lượng khách nội địa đạt 110 triệu lượt vào năm 2024.

Về khung pháp lý, Luật Du lịch 2017 và Luật Đầu tư 2020 đã tạo ra nền tảng quan trọng. Luật Du lịch 2017 khẳng định chính sách huy động mọi nguồn lực để du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, đồng thời cung cấp mức ưu đãi đầu tư cao nhất cho các tổ chức, cá nhân kinh doanh du lịch. Đặc biệt, sự xuất hiện của các tập đoàn tư nhân lớn trong nước (như Sun Group, Vingroup...) đã làm thay đổi diện mạo hạ tầng du lịch với các tổ hợp nghỉ dưỡng đẳng cấp quốc tế.

Tuy nhiên, phát triển du lịch tại Việt Nam vẫn còn nhiều nút thắt và rào cản:

Chi phí phi chính thức: Đây vẫn là một "nút thắt" lớn làm tăng chi phí và rủi ro cho cả nhà đầu tư nội lẫn ngoại.

Thủ tục hành chính và đất đai: Các quy định về tiếp cận đất đai, cấp phép đầu tư và các thủ tục hải quan vẫn còn phức tạp, thiếu tính minh bạch và nhất quán giữa các địa phương.

Hạ tầng và Logistics: Mặc dù đã cải thiện, chất lượng hạ tầng giao thông và chi phí logistics vẫn là thách thức so với Thái Lan hay Malaysia. Sự thiếu hụt các trung tâm trung chuyển hiện đại làm giảm tính kết nối của các điểm đến mới.

Nguồn nhân lực: Sự thiếu hụt lao động có kỹ năng, đặc biệt là trong quản lý khách sạn cao cấp và du lịch số, là một trở ngại cho việc nâng cấp chuỗi giá trị.

Quỹ phát triển du lịch: Ngân sách dành cho xúc tiến và hỗ trợ du lịch của Việt Nam còn rất thấp (khoảng 2,5 triệu USD/năm), không tương xứng với quy mô ngành và sự đóng góp vào GDP, trong khi Thái Lan chi tới 100 triệu USD.

3.2. Một số hàm ý chính sách cho Việt Nam

Đối với Việt Nam, mặc dù đang có những lợi thế lớn về dòng vốn FDI và sự năng động của khu vực tư nhân, việc giải quyết các "nút thắt" về hành chính và hạ tầng vẫn là ưu tiên hàng đầu. Việc chuyển dịch từ một điểm đến giá rẻ sang một trung tâm du lịch giá trị cao, bền vững và thông minh sẽ chỉ thành công nếu Việt Nam biết cách tận dụng vốn đầu tư như một công cụ để nâng cấp toàn diện năng lực quốc gia. Tầm nhìn đến năm 2030, với những bước đi đúng đắn trong việc huy động vốn, Việt Nam hoàn toàn có thể bứt phá và cạnh tranh sòng phẳng với các quốc gia hàng đầu trong khối, đóng góp tích cực vào sự thịnh vượng chung của cộng đồng ASEAN.

- *Một là,* Việt Nam cần kiên quyết loại bỏ các chi phí phi chính thức và hiện đại hóa hệ thống quản lý hành chính. Việc học tập mô hình "Dịch vụ một cửa" (OSOS) của Thái Lan để xử lý thị thực và giấy phép đầu tư trong thời gian ngắn (tính bằng giờ) sẽ tạo ra lợi thế cạnh tranh đột biến. Ngoài ra, cần sớm hoàn thiện các nghị định hướng dẫn Luật PPP để thu hút vốn tư nhân vào các dự án hạ tầng chiến lược như cảng du thuyền, sân bay chuyên dụng và các trung tâm hội nghị quốc tế (MICE).

- *Hai là,* chiến lược ưu đãi đầu tư "Xanh và Số" thay vì ưu đãi đại trà, Việt Nam nên áp dụng mức miễn giảm thuế CIT cao nhất (tương đương nhóm A1+ của Thái Lan) cho các dự án du lịch thông minh,

du lịch sinh thái bền vững và các dự án ứng dụng công nghệ nguồn trong quản lý điểm đến. Cần có các gói hỗ trợ tài chính đặc thù cho các doanh nghiệp SME thực hiện chuyển đổi số, giúp họ tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu.

- *Ba là,* đổi mới chính sách thị thực làm đòn bẩy vốn, mở rộng chính sách miễn thị thực và kéo dài thời hạn cư trú là cần thiết, nhưng Việt Nam nên đi xa hơn bằng cách ban hành loại "Thị thực đầu tư" hoặc "Thị thực cư trú dài hạn" dành cho các cá nhân có tài sản lớn và các chuyên gia tay nghề cao, tương tự chương trình LTR của Thái Lan hay MM2H của Malaysia. Điều này không chỉ thu hút vốn trực tiếp mà còn kích cầu bất động sản nghỉ dưỡng và tiêu dùng cao cấp.

- *Bốn là,* phát huy vai trò của Quỹ Phát triển Du lịch và PPP. Cần tăng quy mô và đổi mới cơ chế vận hành của Quỹ Phát triển Du lịch. Quỹ không nên chỉ dựa vào ngân sách mà cần được vận hành theo mô hình đối tác, huy động thêm nguồn lực từ chính các doanh nghiệp được hưởng lợi thông qua các hoạt động hợp tác xúc tiến quốc tế. Việt Nam nên khuyến khích mô hình PPP "Tư nhân đầu tư – Nhà nước hỗ trợ thủ tục và hạ tầng kết nối" để phát triển các vùng du lịch mới theo chiến lược tương tự "10 Bali mới" của Indonesia.

- *Năm là,* tập trung vào du lịch bao trùm và cộng đồng, thực thi hiệu quả các chính sách tại Điều 19 Luật Du lịch 2017. Việc Nhà nước hỗ trợ "vốn mồi" và đào tạo kỹ năng cho cộng đồng địa phương sẽ giúp tạo ra những sản phẩm du lịch đặc sắc, không thể sao chép, từ đó thu hút các nhà đầu tư quốc tế quan tâm đến giá trị bản địa và trách nhiệm xã hội.

Tài liệu tham khảo:

1. ASEAN Secretariat. (2025). ASEAN Tourism Outlook 2025. Jakarta: ASEAN Secretariat.
2. ASEAN Secretariat & United Nations Trade and Development (UNCTAD). (2025). ASEAN Investment Report 2025: Foreign Direct Investment and Supply Chain Development. Jakarta: ASEAN Secretariat.
3. Association of Southeast Asian Nations. (2016). ASEAN Tourism Strategic Plan 2016-2025. Jakarta: ASEAN Secretariat.
4. World Bank & ASEAN Connectivity Division. (2016). Project Briefs for Selected PPP Projects: ASEAN PPP Programme. Washington, DC: World Bank.
5. Board of Investment (BOI) Thailand. (2026). Investment Incentives Scheme and Long-Term Resident (LTR) Visa Policies 2026-2027. Bangkok: BOI.
6. Inland Revenue Board of Malaysia. (2023). Public Ruling No. 10/2023: Pioneer Status Incentive. Kuala Lumpur: LHDN.
7. Malaysian Investment Development Authority (MIDA). (2021). Booklet 9: Tourism and Travel Related Services. Kuala Lumpur: MIDA.
8. Malaysian Investment Development Authority (MIDA). (2023). Hospitality (Hotels and Tourism) Sector Overview. Kuala Lumpur: MIDA.
9. Singapore Tourism Board (STB). (2023). Annual Report 2022/2023: Rejuvenating Offerings and Sustainability Roadmaps. Singapore: STB.
10. Tourism Infrastructure and Enterprise Zone Authority (TIEZA) Philippines. (2024). Fiscal and Non-Fiscal Incentives for Tourism Enterprise Zones (TEZ). Manila: TIEZA.
11. Zenith Hospitality. (2024). Indonesia's "10 New Balis" Opportunity: Investment Strategy and Operator Realism. Jakarta: Zenith Hospitality.
12. B-Company. (2024). Vietnam's Tourism in 2024 and Outlooks for 2025: Recovery Strategies and Digital Innovation. Tokyo & Hanoi: B-Company.
13. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Việt Nam. (2024). Assessment of Policy and Model of Sustainable Tourism Development in Vietnam. Hà Nội: ST4SD.
14. Quốc hội Việt Nam. (2017). Luật Du lịch số 09/2017/QH14. Hà Nội: Văn phòng Quốc hội.
15. Quốc hội Việt Nam. (2020). Luật Đầu tư số 61/2020/QH14. Hà Nội: Văn phòng Quốc hội.
16. Tổng cục Thống kê (GSO). (2025). Vốn FDI thực hiện tại Việt Nam năm 2024 ước đạt 25.35 tỉ USD. Hà Nội: GSO.
17. Tạp chí Ngân hàng. (2024). Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam: Thực trạng và giải pháp tháo gỡ nút thắt. Hà Nội: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.